

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày: 12-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ty
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 145E, ấp B, xã B1, thành phố B2, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Ấp T1, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Vào ngày 22/4/2020, ông Lê Văn D có vay của bà Phạm Thị C số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng để dùng vào công việc gia đình và trả nợ ngân hàng, ông D có ký và ghi rõ họ tên vào Giấy mượn tiền ngày 22/4/2020. Hợp đồng vay không tính lãi, thời hạn vay thoả thuận bằng lời nói là 04 tháng từ ngày

22/4/2020 đến ngày 22/8/2020. Khi đến hạn trả nợ, bà C đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông D tránh né, không trả và cho đến nay ông D chưa trả cho bà C được số tiền nào.

Nay bà C yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền trên với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 23/8/2020 đến ngày Toà xét xử là 33 tháng 20 ngày, thành tiền là 33.532.000 đồng. Nguyên đơn khẳng định chỉ yêu cầu trách nhiệm một mình ông D, không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ai khác.

Bị đơn ông Lê Văn D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Các giai đoạn tố tụng của vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C. Buộc bị đơn ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay gốc là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi là 33.532.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà C có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Văn D có nơi cư trú tại ấp T1, xã M, huyện M1, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ bằng phương thức niêm yết các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D không đến Toà tham gia tố tụng, không có ý kiến phản bác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hoà giải. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[4] Bị đơn ông Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C về việc buộc bị đơn ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 22 tháng 4 năm 2020 thể hiện ông Lê Văn D có vay của bà Phạm Thị C số tiền 120.000.000 đồng. Căn cứ kết luận giám định số 122/2023/KL-KTHS ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận chữ ký (dạng chữ viết) và chữ viết “Lê Văn D” dưới mục “Đồng ý ký tên” trong Giấy mượn tiền ngày 22 tháng 4 năm 2020 so với chữ ký, chữ viết của ông Lê Văn D trong các mẫu so sánh (Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ - Số giải ngân: 7103-LDS-2022 04126, ngày 23 tháng 06 năm 2022 và Hợp đồng tín dụng Số: 7103-LAV-2022 02230 ngày 23 tháng 06 năm 2022 ký kết giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – C nhánh huyện Mỏ Cày Nam Bến Tre – Phòng giao dịch Tân Trung và ông Lê Văn D) là do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông D là người ký tên vào Giấy mượn tiền nêu trên. Theo nguyên đơn, đến nay ông D cũng chưa trả cho bà C được số tiền nào. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho ông Lê Văn D nhưng ông D không đến Tòa tham gia tố tụng, không gửi văn bản nêu ý kiến hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C về việc buộc bị đơn ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả lãi của số tiền vay gốc 120.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 23/8/2020 đến ngày Tòa xét xử là 33 tháng 20 ngày với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 33.532.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, ...”; Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì “... lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì “... lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ...”; Đối Cếu yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với các quy định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận toàn bộ.

[7] Xét về C phí tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định: C phí giám định trong vụ án là 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng. Do kết luận giám định xác định đúng là chữ ký, chữ viết của ông Lê Văn D nên ông D có nghĩa vụ chịu C phí giám định này. Bà Phạm Thị C đã tạm ứng xong nên buộc ông Lê Văn D có

nghĩa vụ hoàn trả cho bà C số tiền 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

[8] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Lê Văn D có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 147, 161, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C.

Buộc bị đơn ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị C số tiền vay gốc là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi là 33.532.000 (ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về C phí tố tụng: 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng do ông Lê Văn D có nghĩa vụ chịu. Buộc ông D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C số tiền 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.767.000 (bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng do ông Lê Văn D có nghĩa vụ chịu.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.597.000 (ba triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009680 ngày 07/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- C cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân